

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19-8-2021

"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Siu Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nhân.

2. Ông Nguyễn Đức Thại.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha -Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị La Thị Mỹ D, sinh năm 1985. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Minh P, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Cùng trú tại 32 Kpă K, Tổ 3, phường Đ, thị xã A, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/4/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị La Thị Mỹ D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Dương Minh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND thị trấn A, huyện A (nay là UBND phường Đ, thị xã A), tỉnh Gia Lai trên cơ sở tự nguyện. Trong cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh nhau, nguyên nhân anh P không có trách nhiệm với gia đình, thường hay nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện, la lối gây sự, đánh đập chị làm cho cuộc sống gia đình rất căng thẳng, ngột ngạt. Vì con nên chị cố gắng chịu đựng nhưng đến nay thì không thể chịu đựng thêm được nữa. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dương Minh P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/12/2006 và Dương Phương U, sinh ngày 29/4/2009 hiện cả hai cháu đang sống với anh P. Do thường xuyên phải đi làm ăn xa nên sau khi ly hôn chị D yêu cầu giao cả hai con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Duyên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Dương Minh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc chị La Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nhưng anh P không hợp tác với Tòa án; không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc, trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Dương Minh P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị La Thị Mỹ D đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Dương Minh P không chấp hành và không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như không đến phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn giữa chị La Thị Mỹ D và anh Dương Minh P là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị La Thị Mỹ D được ly hôn với anh Dương Minh P.

Về con chung: Giao 02 con chung là Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/12/2006 và Dương Phương U, sinh ngày 29/4/2009 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị La Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị D phải chịu là 600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị La Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Dương Minh P có nơi cư trú tại: 32 Kpã K, Tổ 3, phường Đ, thị xã A, tỉnh G nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Bị đơn anh Dương Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về phạm vi giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Minh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên anh P không hợp tác, không có yêu cầu phản tố; không trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không giao, nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị Mỹ D và anh Dương Minh P xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2006 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai theo quy tại khoản 1, khoản 5 Điều 3 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định, Tòa án chỉ giải quyết cho ly hôn nếu *“...có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Xét thấy, quá trình sống chung giữa chị D và anh P đã nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do anh P thường xuyên nhậu nhẹt, không có sự quan tâm, chia sẻ trách nhiệm trong gia đình. Hiện vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa nên chị D yêu cầu được ly hôn. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn gia đình ngày 12/5/2021 cũng thể hiện: Vợ chồng chị D, anh P có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là về kinh tế gia đình và anh P thường hay la cà, nhậu nhẹt...”. Như vậy, hành vi của anh P đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng, là nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Về phía bị đơn anh Dương Minh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết việc chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nhưng anh P không hợp tác, không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay anh P cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Điều này chứng tỏ anh P không còn coi trọng, quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng và không muốn tiếp tục xây dựng gia đình với chị D nữa.

Xét thấy, vợ chồng chị D, anh P sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị La Thị Mỹ D được ly hôn với anh Dương Minh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh P có 02 con chung là Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/12/2006 và Dương Phương U, sinh ngày 29/4/2009 hiện cả hai cháu đang sống với anh P. Do thường xuyên phải đi làm ăn xa nên chị D yêu cầu giao cả hai con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ*

07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Xét thấy, từ khi sống ly thân cho đến nay các cháu Dương Thị Như Q và Dương Phương U được anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển bình thường. Mặt khác khi được hỏi ý kiến, nguyện vọng muốn được ở với ai thì cả hai cháu Q, U đều có nguyện vọng muốn được ở với anh P. Do đó để các cháu có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao các cháu Dương Thị Như Q và Dương Phương U cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của các con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, hiện nay các cháu Q, U còn nhỏ cần phải được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và học hành nên việc cấp dưỡng nuôi con là cần thiết. Do đó, tuy anh P không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nhưng HĐXX xét thấy để đảm bảo cho cuộc sống của con cần buộc chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Về mức cấp dưỡng: Xét thấy hiện chị D đang làm công ty tại thành phố Đ có thu nhập 6.000.000 đồng/tháng, mức thu nhập trên là phù hợp với thu nhập bình quân của những người lao động phổ thông. Do đó, mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/02 con theo yêu cầu của chị D là phù hợp để chấp nhận. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lập được.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị La Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị La Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị La Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị Mỹ D ly hôn với anh Dương Minh P.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/12/2006 và Dương Phương U, sinh ngày 29/4/2009 cho anh Dương Minh P tiếp tục trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự; không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị La Thị Mỹ D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con Dương Thị Như Q, sinh ngày 04/12/2006 và Dương Phương U, sinh ngày 29/4/2009 hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự; không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị La Thị Mỹ D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị La Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị La Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009196, ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Chị D còn tiếp tục phải nộp 300.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/8/2021 đối với những người có mặt tại phiên tòa. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với những người vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự ;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhàn

Nguyễn Đức Thại

Siu Lanh